TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 271/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 12 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Vân Ngọc và ông Phạm Văn Thuật.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Tuấn Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Trưởng - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXX - ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Đức C, sinh năm 1986.
Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn C, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1992.
Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã P, huyện P, Thành phố Hà Nội.
Chỗ ở: Số 544 N, phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Đức C trình bày:

Anh với chị Trần Thị Mỹ H kết hôn với nhau từ tháng 7 năm 2011 là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Thái Nguyên. Sau khi khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn C, xã P, huyện P. Sau một thời gian chung sống đến khoảng năm 2014 vợ chồng bộc lộ sự không hòa hợp về tính cách, đặc biệt là bất đồng trong cuộc sống, trong sinh hoạt gia đình, trong công việc, trong làm ăn kinh tế, mỗi người một chí hướng, không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, từ đó thường xuyên xảy ra to tiếng cãi vã, xúc phạm nhau thậm chí là nhiều lần còn xảy ra xô xát với nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng nên vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ tháng 8 năm 2015 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức... nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 29/3/2012 hiện đang ở cùng anh; ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết

Tại bản tự khai ngày 06/11/2020, bị đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Đức C năm 2011 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã S, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn không do tìm được tiếng nói chung, thường xuyên to tiếng cãi vã nhau. Vợ chồng không thể tiếp tục chung sống và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị đang ở tại địa chỉ 544 N, phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đăng ký tạm trú và chị đồng ý giải quyết vụ án ly hôn với anh C tại TAND huyện P. Nay anh C ly hôn, chị đồng ý ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 29/3/2012, hiện đang ở cùng anh C; ly hôn chị để anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đề nghị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Không có nên chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà...

Do mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác phía bị đơn chị Trần Thị Mỹ H cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Đức C và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho anh Vũ Đức C được ly hôn chị Trần Thị Mỹ H; giao con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 29/3/2012 cho anh Vũ Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị Mỹ H; tài sản chung các bên đều không đề nghị Tòa xét nên không xét; công nợ chung các bên khẳng định không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ kiện Hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, nên TAND huyện P thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn chị Trần Thị Mỹ H: Quá trình tố tụng chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt bị đơn chị H là đúng quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Đức C và chị Trần Thị Mỹ H là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Thái Nguyên (Đăng ký kết hôn số 30, Quyển số 01 ngày 14/7/2011). Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống cộng với tính cách không hòa hợp mỗi bên, không tôn trọng, tin tưởng nhau trong cuộc sống từ đó nảy sinh những xung đột mà đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2015 khiến cả hai đã tự sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cho đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị H đã đến mức trầm trọng bởi tình cảm vợ chồng thực sự không còn do hai bên chủ động sống ly thân nhau, đời sống vợ chồng không có cơ hội hàn gắn bởi từ hai phía đều không ai mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình vì thế không đạt được, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức, không còn ý nghĩa; quá trình tố tụng, trước yêu cầu ly hôn của anh C, phía chị H có quan điểm đồng ý ly hôn….Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của anh C xin ly hôn chị H là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh C ly hôn chị H.

Về con chung: Anh C và chị H có 01 con chung Vũ Minh K, sinh ngày 29/3/2012.

Hội đồng xét xử xét thấy kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con chung do anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; nguyện vọng của con chung được tiếp tục ở cùng anh C; mặt khác phía chị H có quan điểm đồng ý để anh C nuôi dưỡng con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cũng như tính ổn định trong sự phát triển của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của anh C về nuôi con chung và ghi nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị Tòa xét nên Tòa không xét.

Về công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn anh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn anh C và bị đơn chị H có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Vũ Đức C được ly hôn chị Trần Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Giao con chung của anh Vũ Đức C và chị Trần Thị Mỹ H là Vũ Minh K, sinh ngày 29/3/2012 cho anh Vũ Đức C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn cho chị Trần Thị Mỹ H việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị Mỹ H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên đều không đề nghị xem xét nên không xét.

4. Về án phí: Anh Vũ Đức C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005899 ngày 12/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Anh C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Anh Phương